

TỔNG QUAN

Hoạt động xuất – nhập khẩu hàng hóa năm 2023 của Việt Nam mặc dù chưa phục hồi mạnh, nhưng mức suy giảm đã được thu hẹp đáng kể qua từng tháng, trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước đối mặt nhiều khó khăn. Đây là tiền đề hướng đến kỳ vọng XNK khởi sắc hơn trong năm 2024.

Theo số liệu thống kê sơ bộ Tổng cục Hải quan vừa công bố, năm 2023, tổng kim ngạch XNK cả nước đạt 681,04 tỷ USD, giảm 6,9%, tương ứng giảm 50,25 tỷ USD so với năm trước. Trong đó, XK đạt 354,67 tỷ USD, giảm 4,6% (tương ứng giảm 17,05 tỷ USD) và NK đạt 326,37 tỷ USD, giảm 9,2% (tương ứng giảm 33,20 tỷ USD). Như vậy, năm 2023 cả nước xuất siêu 28,3 tỷ USD. Đây là điểm sáng đáng ghi nhận khi cán cân thương mại cả nước tiếp tục xuất siêu năm thứ 8 liên tiếp với mức thặng dư cao, tăng gần gấp 3 lần năm 2022. Năm 2023, trong tổng kim ngạch chung của cả nước, tổng kim ngạch XNK của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đạt 466,27 tỷ USD, giảm 8% (tương ứng giảm tới 40,49 tỷ USD) so với năm trước. Trong đó, XK đạt 257,21 tỷ USD, giảm 6% (tương ứng giảm 16,40 tỷ USD) và NK đạt 209,06 tỷ USD, giảm 10,3% (giảm 24,09 tỷ USD).

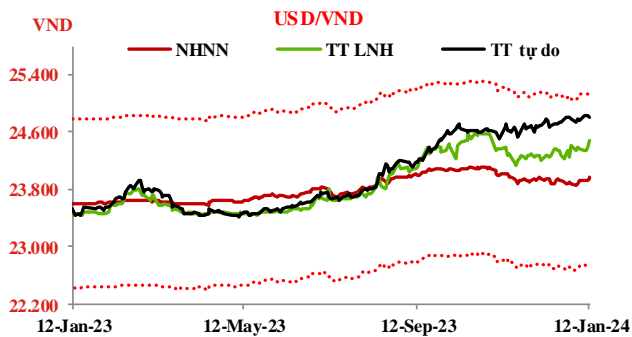
Một điểm đáng chú ý là hoạt động XNK hàng hóa của Việt Nam năm 2023 mặc dù chưa đạt được mức tăng trở lại so với năm trước, nhưng mức suy giảm đã được thu hẹp đáng kể qua các tháng. Từ tháng 1 đến tháng 8, tổng kim ngạch XNK từng tháng liên tục giảm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, mức giảm được thu hẹp dần và bắt đầu tăng trở lại từ tháng 9. Trong đó, tháng 9 tăng 2,8%; tháng 10 và tháng 11 cùng tăng 6,3%; tháng 12 ước tính tăng cao 12,7%. Trong 6 tháng đầu năm, tổng kim ngạch XNK đạt 316,5 tỷ USD, giảm 14,8% so với cùng kỳ năm trước; đến 9 tháng, mức giảm chỉ còn 11% và kết thúc năm 2023, tổng kim ngạch XNK cả năm ước chỉ còn giảm 6,9%. Mức suy giảm XK sang một số thị trường chủ lực cũng được thu hẹp (mức giảm XK sang Mỹ thu hẹp từ 22,6% trong nửa đầu năm 2023 xuống còn 13,1% trong 11 tháng năm 2023; EU từ 10,1% xuống 8,1%; Hàn Quốc từ 10,2% xuống 4%...). Ngoài ra, XK đã đa dạng hóa ra ngoài các thị trường truyền thống, kim ngạch XK sang các nước châu Phi, Đông Âu, Bắc Âu, Tây Á tăng tích cực.

Trong các nhóm hàng, nhóm điện tử, máy tính và linh kiện tuy gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn tiếp tục là nhóm dẫn đầu thị trường XK và đến cuối năm 2023 đã đạt mức tăng trưởng dương. Trong 9 tháng năm 2023, XK nhóm hàng này giảm 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Nhưng từ tháng 10, kim ngạch XK hàng điện tử, máy tính và linh kiện đã tăng trở lại. Kết thúc năm 2023, kim ngạch XK mặt hàng này ước tăng 3,3% so với năm 2022. Bên cạnh đó, XNK nhóm hàng nông sản, lâm sản năm 2023 được đánh giá là thành công của ngành nông nghiệp Việt Nam. Tính chung cả năm 2023, tổng kim ngạch XNK nhóm hàng này ước đạt 28,15 tỷ USD, tăng 12,9% so với năm 2022.

Ở chiều NK, hoạt động NK cơ bản đáp ứng nhu cầu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất và tiêu dùng. NK nhóm hàng hóa phục vụ sản xuất để xuất khẩu và hàng hóa thiết yếu tăng, chiếm 88,5% tổng kim ngạch; NK nhóm hàng không khuyến khích NK chỉ chiếm 5,7% tổng kim ngạch.

Bước sang 2024, rõ ràng là, hoạt động XNK sẽ vẫn đối diện với nhiều rủi ro, khó đoán định. Bộ Công Thương nhận định, nhìn chung áp lực bên ngoài đối với hoạt động XNK của Việt Nam trong năm 2024 đến từ 3 kênh: (1) kênh thương mại quốc tế: nhiều nền kinh tế là đối tác lớn của Việt Nam tăng trưởng chậm, dẫn đến tổng cầu khó phục hồi mạnh, từ đó tác động đến kết quả XK; (2) kênh đầu tư quốc tế: mặt bằng lãi suất thế giới nhìn chung còn neo ở mức cao, khó thu hút vốn cho đầu tư nói chung và trực tiếp tạo áp lực không nhỏ trong việc giữ vốn đã đầu tư ở lại Việt Nam, cũng như thu hút thêm vốn đầu tư mới; xu hướng bảo hộ thương mại xuất hiện nhiều hơn, nhiều nước có các biện pháp đưa đầu tư về trong nước, dựng nên các rào cản thương mại để bảo vệ, thúc đẩy sản xuất trong nước; (3) kênh tài chính tiền tệ với áp lực mất giá đồng nội tệ so với đồng USD, tuy thuận lợi phần nào cho XK nhưng sẽ khiến chi phí NK NVL phục vụ SX tăng cao, làm tăng quy mô thanh toán của các khoản nợ nước ngoài. Mặc dù vậy, với xu hướng cải thiện dần từ các tháng cuối năm 2023, Bộ Công Thương vẫn đặt mục tiêu năm 2024 tổng kim ngạch XK tăng trên 6% so với năm 2023; cán cân thương mại tiếp tục xuất siêu (dự kiến xuất siêu khoảng 15 tỷ USD).

• **Thị trường ngoại tệ**



Trong tuần từ 08/01 - 12/01, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh giảm nhẹ đầu tuần rồi tăng mạnh 2 phiên cuối. Chốt ngày 12/01, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.976 VND/USD, tăng 44 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay cuối tuần được niêm yết ở mức 25.124 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá.

Tỷ giá LNH biến động tăng mạnh trong tuần qua. Kết thúc phiên 12/01, tỷ giá LNH đóng cửa tại 24.499 VND/USD, tăng tiếp 129 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá trên thị trường tự do ít biến động trong tuần qua. Chốt phiên 12/01, tỷ giá tự do tăng 50 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 24.750 VND/USD và 24.850 VND/USD.

• **Thị trường tiền tệ liên ngân hàng**

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	W/W	USD	W/W	Kỳ hạn	Lợi suất	W/W
ON	0.20	0.00	5.08	0.00	3Y	1.50	-0.054
1W	0.30	-0.10	5.20	-0.01	5Y	1.53	-0.017
2W	0.55	-0.15	5.28	-0.02	7Y	1.84	-0.029
1M	1.28	-0.47	5.38	-0.01	10Y	2.23	-0.021
2M	2.75	-0.17	5.48	-0.01	15Y	2.42	-0.014
3M	2.97	-0.23	5.56	0.00			
6M	4.52	-0.11	5.63	-0.01			
9M	4.98	-0.22	5.72	0.00			
1Y	5.40	-0.16	5.79	0.03			

Tuần từ 08/01 - 12/01, lãi suất VND LNH chủ yếu giảm ở hầu hết các kỳ hạn. Chốt ngày 12/01, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 0,20% (-không thay đổi); 1W 0,30% (-0,10 đpt); 2W 0,55% (-0,15 đpt); 1M 1,28% (-0,47 đpt).

Lãi suất USD LNH biến động tăng – giảm nhẹ ở tất cả các kỳ hạn. Phiên cuối tuần 12/01, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 5,08% (không thay đổi); 1W 5,20% (-0,01 đpt); 2W 5,28% (-0,02 đpt) và 1M 5,38% (-0,01 đpt).

• **Thị trường mở**

Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN từ 08/01 đến 12/01/2024

Đơn vị: Tỷ đồng	KL chào thầu	KL trúng thầu	KL đáo hạn	Ròng	KL lưu hành
Nghị vụ cầm cố	5.000	-	1.04	1.04	0.00
Nghị vụ mua bán tín phiếu NHNN	0	-	-	-	0.00
Tổng cộng				1.04	

Trên thị trường mở tuần từ 08/01 - 12/01, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày, với khối lượng là 5.000 tỷ VND, lãi suất đều ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, có 1,04 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 1,04 tỷ đồng từ thị trường trong tuần qua, không còn khối lượng lưu hành trên kênh này.

NHNN tiếp tục không chào thầu tín phiếu NHNN trong tuần qua. Không còn tín phiếu lưu hành trên thị trường.

• **Thị trường trái phiếu chính phủ:**

Giao dịch trên thị trường sơ cấp:

Ngày 10/01, KBNN huy động thành công 5.939/7.250 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tỷ lệ trúng thầu đạt 82%. Trong đó, kỳ hạn 5Y và 10Y huy động được toàn bộ lần lượt 750 tỷ đồng và 3.000 tỷ đồng gọi thầu; kỳ hạn 15Y huy động được 2.189 tỷ đồng/3.000 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 30Y gọi thầu 500 tỷ đồng nhưng đấu thầu thất bại. Lãi suất phát hành kỳ hạn 5Y ở mức 1,50% (-0,08 đpt so với phiên trước đó), 10Y 2,15% (-0,05 đpt) và 15Y 2,35% (-0,05 đpt).

Trong tuần này, ngày 17/01, KBNN chào thầu 7.500 tỷ đồng TPCP, trong đó kỳ hạn 5Y chào thầu 1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10Y và 15Y chào thầu 3.000 tỷ đồng mỗi kỳ hạn, kỳ hạn 30Y chào thầu 500 tỷ đồng.

Thị trường TPCP sơ cấp

đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi	Tỷ lệ trúng thầu	Tỷ lệ đặt thầu	Số TV tham gia
MOF	10-Jan-24	5	750	750	1.50%	-0.08%	100%	3.80	9.00
MOF	10-Jan-24	10	3000	3000	2.15%	-0.05%	100%	2.84	15.00
MOF	10-Jan-24	15	3000	2189	2.35%	-0.05%	73%	2.00	12.00
MOF	10-Jan-24	30	500	0	0.00%	0.00%	0%	3.00	5.00
Tổng			7250	5939			82%	2.60	

Giao dịch trên thị trường thứ cấp: Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 9.823 tỷ đồng/phiên, tăng so với mức 7.619 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

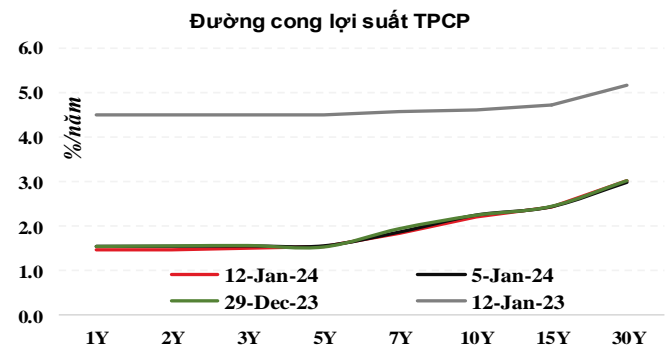
Thống kê giao dịch Outright						Thống kê giao dịch Repos					
Ngày	< 2 năm	2 - 5 năm	5 - 10 năm	> 10 năm	Tổng	Ngày	< 31 ngày	31 - 60 ngày	60 - 92 ngày	> 92 ngày	Tổng
8/Jan/24	54	150	5,463	4,435	10,102	8/Jan/24	2,522	-	-	-	2,522
9/Jan/24	105	-	3,874	2,259	6,238	9/Jan/24	1,324	94	-	-	1,418
10/Jan/24	105	150	2,096	2,514	4,865	10/Jan/24	513	94	-	-	608
11/Jan/24	-	617	3,371	4,568	8,556	11/Jan/24	1,976	1,356	-	-	3,332
12/Jan/24	157	266	2,198	7,156	9,777	12/Jan/24	1,598	98	-	-	1,696
Tổng	420	1,184	17,002	20,932	39,537	Tổng	7,933	1,643	-	-	9,576
+_WoW	157	(723)	11,350	6,083	16,866	+_WoW	3,761	(40)			3,721
% WoW	60%	-38%	201%	41%	74%	% WoW	90%	-2%			64%
Tỷ trọng	1%	3%	43%	53%	100%	Tỷ trọng	83%	17%	0%	0%	100%

Đvt: Tỷ đồng

Đvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP trong tuần qua có xu hướng giảm ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ kỳ hạn 30Y. Chốt phiên 12/01, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1Y 1,47% (-0,07 đpt); 2Y 1,47% (-0,07 đpt); 3Y 1,50% (-0,05 đpt); 5Y 1,53% (-0,02 đpt); 7Y 1,84% (-0,03 đpt); 10Y 2,23% (-0,02 đpt); 15Y 2,42% (-0,01 đpt); 30Y 3,02% (+0,03 đpt).

Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp								
%/năm	1Y	2Y	3Y	5Y	7Y	10Y	15Y	30Y
12-Jan-24	1.47	1.47	1.50	1.53	1.84	2.23	2.42	3.02
So WoW	-0.07	-0.07	-0.05	-0.02	-0.03	-0.02	-0.01	0.03
So YoY	-3.01	-3.02	-2.99	-2.98	-2.72	-2.38	-2.31	-2.16
So YTD	-0.08	-0.09	-0.07	0.001	-0.11	-0.01	-0.01	0.01



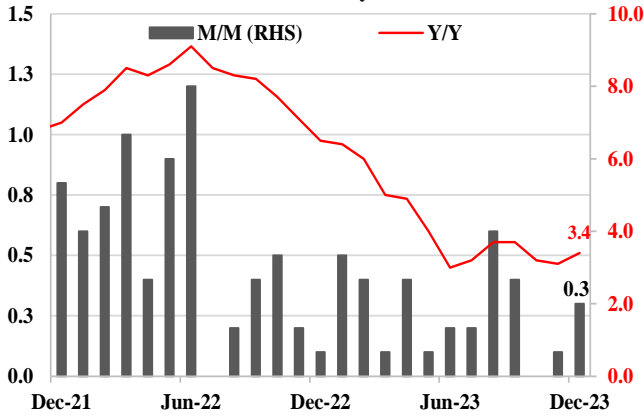
• **Thị trường chứng khoán**

	12/01/24	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm		1154.70	230.31	86.90
<i>thay đổi so với tuần trước</i>		0.002%	-1.05%	-1.17%
<i>thay đổi so với đầu năm</i>		2.19%	-0.32%	-0.16%
KLGD/phiên (tr.đ.v)		943.17	86.09	0.04
<i>thay đổi so với tuần trước</i>		34.22%	27.27%	-99.97%
GTGD/phiên (tỷ đ)		19693.99	1709.78	0.0005
<i>thay đổi so với tuần trước</i>		-4.68%	-4.42%	-67.05%
ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)		(1,013.69)	(162.28)	(0.020)

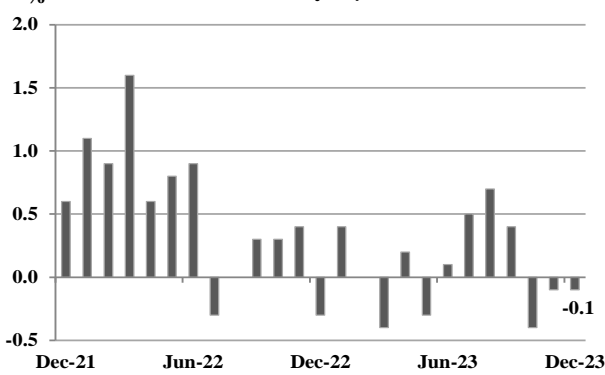
Tuần từ 08/01 - 12/01, thị trường chứng khoán tăng – giảm đan xen qua các phiên. Chốt phiên cuối tuần 12/01, VN-Index đứng ở mức 1.154,70 điểm, tăng nhẹ 0,02 điểm (+0,002%) so với cuối tuần trước đó; HNX-Index giảm 2,45 điểm (-1,05%) về mức 230,31 điểm; UPCOM-Index mất 1,03 điểm (-1,17%) còn 86,90 điểm.

Thanh khoản thị trường tăng tích cực lên mức 25.200 tỷ đồng/phiên từ mức 19.700 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó. Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 70 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

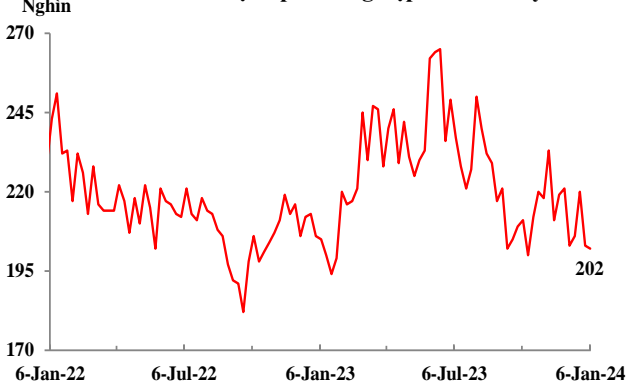
CPI Mỹ



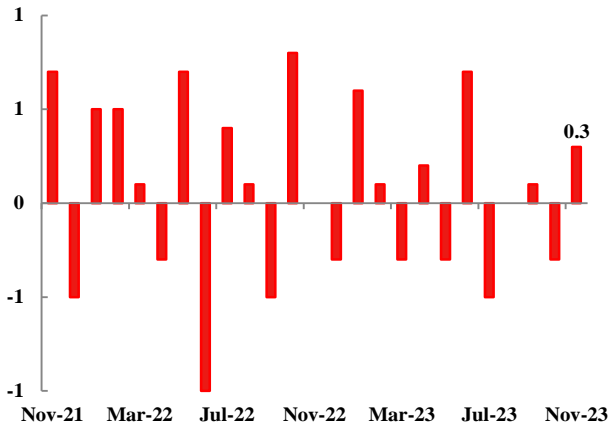
PPI Mỹ m/m



Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ



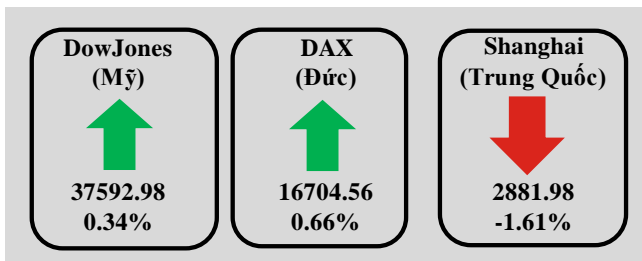
GDP Anh m/m



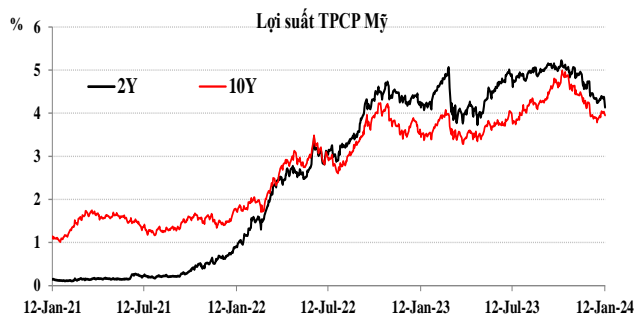
Thị trường Mỹ tuần qua ghi nhận nhiều chỉ báo kinh tế quan trọng.

Đầu tiên, về lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng CPI lõi và CPI toàn phần tại Mỹ cùng tăng 0,3% m/m trong tháng 12, nối tiếp đà tăng lần lượt 0,3% và 0,1% ở tháng 11 và gần khớp với dự báo ở mức 0,3% và 0,2%. So với cùng kỳ năm 2022, CPI lõi tháng vừa qua tăng 3,9% y/y, giảm tốc nhẹ so với mức 4,0% ghi nhận ở tháng 11. Trái lại, CPI toàn phần tăng 3,4% y/y, mở rộng hơn so với mức tăng 3,1% của tháng 11. Cũng trong tuần vừa qua, bà Michelle Bowman, Ủy viên Hội đồng Thị trường Mở Liên Bang (FOMC) cho rằng “Nếu lạm phát tiếp tục giảm gần hơn đến mục tiêu 2,0% theo thời gian, thì việc bắt đầu hạ lãi suất sẽ trở nên phù hợp, để ngăn chính sách trở nên quá thắt chặt”. Đây là lần đầu tiên quan chức này đảo chiều nhận định, khi trước đó luôn ủng hộ LSCS cần thắt chặt hơn để kiểm soát lạm phát. Theo công cụ dự báo của CME, có 95% khả năng Fed sẽ không thay đổi LSCS ở mức 5,25% - 5,0% trong cuộc họp đầu năm 2024 ngày 31/01, và chỉ có 5% khả năng cắt giảm xuống còn 5,0% - 5,25%. Theo kịch bản chiếm ưu thế của dự báo, Fed sẽ cắt giảm liên tiếp 6 lần trong năm nay, LSCS cuối năm rơi về mức 3,75% - 4,0%. Tiếp theo, chỉ số giá sản xuất PPI lõi tiếp tục đi ngang 0,0% m/m và PPI toàn phần giảm 0,1% m/m trong tháng 12, giống với ghi nhận ở tháng 11 và trái với dự báo lần lượt tăng 0,2% và 0,1%. So với cùng kỳ năm 2022, PPI lõi và PPI toàn phần lần lượt tăng 2,5% và 1,0% y/y. Về thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 06/12 ở mức 202 nghìn đơn, giảm nhẹ từ mức 203 nghìn đơn của tuần trước đó và thấp hơn so với dự báo ở mức 209 nghìn đơn. Trung bình 4 tuần gần nhất, số đơn xin trợ cấp ở khoảng 207,75 nghìn, tăng nhẹ 0,25 nghìn so với bình quân 4 tuần trước đó.

Nước Anh ghi nhận một số chỉ báo đáng chú ý. Đầu tiên, GDP tại quốc gia này tăng 0,3% m/m trong tháng 11 sau khi giảm 0,3% ở tháng trước đó, tích cực hơn mức tăng 0,2% theo dự báo. Cũng trong tháng 11, sản lượng công nghiệp tại nước Anh tăng 0,3% m/m sau khi giảm 1,3% ở tháng trước đó, khớp với dự báo của các chuyên gia. Mặc dù vậy, sản lượng xây dựng tiếp tục giảm nhẹ 0,2% m/m trong tháng 11, nối tiếp đà giảm 0,4% của tháng 10, trái với kỳ vọng hồi phục 0,2%. Cuối cùng, cán cân thương mại Anh thâm hụt 14,2 tỷ GBP trong tháng 11, nhỏ hơn mức thâm hụt 15,9 tỷ của tháng 10, đồng thời nhỏ hơn mức thâm hụt 15,7 tỷ theo dự báo. Trong tuần này thị trường Anh tiếp tục chờ đợi nhiều chỉ báo kinh tế quan trọng của tháng 12, đáng chú ý là doanh số bán lẻ và chỉ số giá tiêu dùng CPI. Ngoài ra, Thống đốc NHTW Anh Andrew Bailey sẽ có buổi điều trần trước Ủy ban Kinh tế Anh vào tối ngày 16/01 theo giờ Việt Nam.



	12 Jan 24	Tuần (%)	Đầu năm (%)	Biến động 2023 (%)
USD index	102.40	-0.01%	1.06%	-2.11%
USD/CNY	7.17	0.38%	0.97%	2.91%
USD/EUR	0.91	-0.07%	0.79%	-3.03%
USD/JPY	144.90	0.17%	2.72%	7.59%
USD/KRW	1313.22	-0.07%	1.45%	2.66%
USD/SGD	1.33	0.14%	0.91%	-1.55%
USD/TWD	31.10	0.47%	1.36%	0.34%
USD/THB	34.86	0.58%	1.48%	-0.75%
USD/VND Trung tâm	23976	0.18%	0.46%	1.08%
USD/VND LNH	24499	0.53%	1.03%	2.99%
USD/VND tự do	24755	0.14%	0.06%	4.40%
Vàng	2048.72	0.16%	-0.67%	13.06%
Dầu WTI	72.68	-1.53%	1.44%	-10.73%



Chứng khoán thế giới phân hóa trở lại trong tuần qua. Kết thúc phiên 12/01, chỉ số công nghiệp Dow Jones tăng 0,34% w/w, DAX tăng 0,66% và Shanghai tiếp tục giảm 1,61%. Thị trường chứng khoán Mỹ phục hồi trở lại sau tuần điều chỉnh trước đó, cho thấy niềm tin của giới đầu tư vào câu chuyện Fed sẽ hạ mạnh LSCS trong năm 2024.

Giá vàng tăng nhẹ, đóng cửa phiên ngày 12/01 ở mức 2.048,72 USD/oz, tương đương tăng 0,16% w/w. Kim loại quý này ít biến động trong tuần vừa qua khi sức mạnh đồng USD cũng ổn định hơn. Một số quỹ tài chính tiếp tục kỳ vọng giá vàng có thể bứt phá khỏi vùng giá 2.000 USD trong năm nay.

Giá dầu giảm trong tuần qua. Kết thúc phiên ngày thứ Sáu, giá dầu WTI ở mức 72,68 USD/thùng, tương đương giảm 1,53% w/w. Bất chấp đà tăng mạnh vào phiên thứ Sáu, giá mặt hàng này vẫn kết thúc tuần trong sắc đỏ khi triển vọng nhu cầu yếu áp đảo các rủi ro nguồn cung. Theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ EIA, nhu cầu dầu mỏ năm 2023 ước khoảng 101,7 triệu thùng/ngày, nhưng có thể sẽ giảm trở lại trong năm nay, khi kinh tế toàn cầu được dự báo gặp nhiều khó khăn nửa đầu năm bởi các CSTT thắt chặt.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: Research@msb.com.vn